

LỜI ĐỀ TỪ TRONG VĂN BẢN NGHỆ THUẬT VĂN HỌC VIỆT NAM

THE EPIGRAPH IN THE ART TEXT OF VIETNAMESE LITERARY

Nguyễn Thị Diệu Trang¹, Bùi Trọng Ngoan²

¹Trường THPT Phan Châu Trinh, TP. Đà Nẵng; dieutrang309@gmail.com

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; buitrongngoan@yahoo.com.vn

Tóm tắt - Lời đề từ trong văn bản nghệ thuật được xem là một tín hiệu thẩm mỹ góp phần thể hiện tư tưởng, quan điểm, thái độ, tình cảm trong tác phẩm. Đây còn là dấu hiệu biểu hiện tài nghệ kết cấu tác phẩm thành một chỉnh thể nghệ thuật toàn vẹn của người nghệ sĩ. Việc tìm hiểu lời đề từ của văn bản nghệ thuật góp phần rất lớn vào quá trình khai thác nội dung ý nghĩa của toàn văn bản nghệ thuật cũng như việc nghiên cứu ngôn ngữ học văn bản. Tuy nhiên việc nghiên cứu về thành tố này vẫn chưa được chú ý đúng mức. Bài viết này đã tiến hành khảo sát lời đề từ trong các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở hai phương diện: hình thức và nội dung nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện cũng như đánh giá vai trò của lời đề từ trong văn bản nghệ thuật văn học Việt Nam.

Từ khóa - lời đề từ; văn bản nghệ thuật; tiêu đề; chủ đề; phong cách.

Abstract - The epigraph in the art text is considered an aesthetic sign that contributes to the ideas, attitudes, and emotions of the work. This is also a sign of the performance of the composition of the work into a whole body of the artist's art integrity. Understanding the epigraph in the art text contributes greatly to the exploitation of the meaning content of the whole text as well as the study of the text linguistics. However, not enough attention has been paid to research on this element. This essay examines the subject matter of modern Vietnamese literary works in two ways: form and content to give a holistic view as well as to evaluate the role of the text in the art text of Vietnamese literature.

Key words - the epigraph; the art text; title; theme; style.

1. Đặt vấn đề

Lời đề từ là một bộ phận cấu thành của văn bản nghệ thuật, vừa độc lập chừng mực nào đó với văn bản, vừa gắn bó chặt chẽ với văn bản và thể hiện ý đồ nghệ thuật của nhà văn, mang nội dung thông tin tiềm ẩn nhất định và có tính định hướng cho văn bản. Hoàng Phê (1998) định nghĩa: “Đề từ là câu ngắn gọn, cô đọng dẫn ra ở đầu tác phẩm hoặc chương sách để nói lên tư tưởng chủ đạo của tác phẩm hoặc chương sách đó” [3, tr.38]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong “Từ điển thuật ngữ văn học” cũng cho rằng: “Lời đề từ là thành phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm, được viết ở đầu sách hoặc sau tiêu đề của mỗi chương trong cuốn sách nhằm hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác giả, hoặc tư tưởng của tác phẩm”. Lời đề từ được hiểu đó là những câu ngắn gọn, cô đúc, đó có thể là câu thơ, câu văn, câu tục ngữ, câu ca dao, câu châm ngôn... tất cả đều nhằm thể hiện chủ đề - tư tưởng, tình cảm của tác giả gửi gắm vào trong tác phẩm. Mỗi lời đề từ được tác giả đặt ra cho tác phẩm của mình đều thể hiện một dụng ý nghệ thuật, một cảm hứng sáng tác đồng thời là một phạm vi chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

2. Lời đề từ trong văn bản nghệ thuật văn học Việt Nam

2.1. Đặc điểm hình thức lời đề từ trong văn bản nghệ thuật văn học Việt Nam

a. Về hình thức kết cấu

- Lời đề từ là một câu: Ở hình thức là một câu, lời đề từ có thể là câu châm ngôn, cách ngôn (câu nói của lãnh tụ Hồ Chí Minh “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi” trong *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu); lời đề từ là câu tục ngữ, ngạn ngữ (“Xời lời trời gởi của cho/Quần co trời gò của lại” trong truyện ngắn *May rủi – giàu nghèo* của Lê Xuân Quý); lời đề từ là câu ca dao (“Chợ huyện một tháng sáu phiên, Gặp cô hàng xén kết duyên Châu, Trần” trong truyện ngắn *Cô hàng xén* của Thạch Lam); lời đề từ là câu

hát, câu đối (“Lên chùa bé một cảnh sen/ Ăn cơm bằng đèn đi hát dưới trăng” trong *Có một lần trăng* của Lã Hoan, hay câu đối: “Đêm không ngủ thấy đồ khát trà/Cây viết thơ bác mù gỗ cửa” trong truyện ngắn *Dây và dao* của Phan Bội Châu); lời đề từ là một câu văn - thường được trích ra từ một tác phẩm của tác giả khác hay của chính tác phẩm được nói đến (“Đàn De-tur-gen của Ka-dắc-xtăng chỉ có bảy dây, vì người đầu tiên làm ra đàn có bảy nốt đau...” (truyện thuyết Ka-dắc-xtăng) trong *Thất huyền cầm* của Bế Kiến Quốc).

- Lời đề từ là một đoạn văn: Ở hình thức là một đoạn văn, lời đề từ chiếm số lượng không nhiều, song đây cũng được xem là trường hợp đặc biệt và dung lượng của đoạn chỉ dừng lại nhiều nhất là một trang sách. Ví dụ: trong tác phẩm *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuấn: “...mây hãy diệt hết những con người cũ ở trong mây đi... Mây phải tự hoại nội tâm mây đi đã. Mây hãy lấy mây ra làm lửa mà đốt cháy hết những phong cảnh cũ của tâm tưởng mây” (Nguyễn).

- Lời đề từ là một, hai dòng thơ hay một khổ thơ: Lời đề từ có dạng là câu thơ xuất hiện khá nhiều, đa số trong các thi phẩm. Câu thơ được sử dụng làm lời đề từ có thể là của chính tác giả, cũng có thể được lấy từ thơ Đường, thơ của các tác giả trung đại, thơ hiện đại, những bài thơ nổi tiếng trên thế giới hoặc có ảnh hưởng đặc biệt đến tác giả... Nội dung của các câu thơ cũng khá phong phú, đa số là những vần thơ thể hiện nội dung tư tưởng hay cảm xúc mà người nghệ sĩ muốn gửi gắm vào trong tác phẩm. Ví dụ:

- “Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa

Yêu một người ta dâng cả tình thương”

(*Hoa vông vang* - Đỗ Tồn)

- “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”

(*Tràng giang* – Huy Cận)

- “Trong mơ anh đã khóc

Vì em không trung thành

Tình dậy anh - đôi mắt
Lệ đắng còn chảy quanh”
(Hen-ric Hai-nơ) (*Khi nhà thơ khóc* - Nguyễn Thị Hồng Ngát)
Qua khảo sát 306 tư liệu, chúng tôi phân loại cấu tạo lời
đề từ như sau:

Bảng 1. Thống kê phân loại cấu tạo lời đề từ

Cấu tạo	Số lượng/306	Tỉ lệ %
Châm ngôn, cách ngôn	25	8,2%
Tục ngữ, ngạn ngữ	6	2%
Ca dao	37	12,1%
Câu hát	10	3,3%
Câu đối	2	0,6%
Câu văn	23	7,5%
Đoạn văn	19	6,2%
Câu thơ	112	36,6%
Đoạn thơ	52	17%
Lời đề tặng	20	6,5%

Nhìn vào bảng phân loại chúng ta có thể thấy rõ, lời đề từ chủ yếu xuất hiện với hình thức là một câu hay một câu thơ ngắn gọn nhưng súc tích và giàu ý nghĩa.

Cũng giống như phân giới thiệu văn bản, lời đề từ có thể là một chủ ngôn, hoặc có thể là một khách ngôn nhưng phần lớn đề từ chủ yếu là khách ngôn. Nguồn trích dẫn của đề từ cũng rất phong phú và đa dạng: từ văn học dân gian, từ một văn bản khác, từ một câu cách ngôn, châm ngôn nổi tiếng hay từ chính tác phẩm...

Đề từ xuất hiện đa dạng trong tất cả các văn bản nghệ thuật như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn bản kịch, kí và cả trong những bức thư... Lời đề từ xuất hiện nhiều nhất là trong thơ và truyện ngắn. Đề từ thường được đặt trước tác phẩm hoặc một bộ phận của tác phẩm (chương, hồi, đoạn, phần...) nhằm nêu lên chủ đề tư tưởng của tác phẩm hoặc hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác phẩm.

b. Về phương thức biểu đạt

Phương thức biểu đạt của lời đề từ rất đa dạng. Đó có thể là phương thức thuyết minh, nghị luận, miêu tả, biểu cảm, tự sự hoặc kết hợp đa phương thức. Phương thức tự sự thường là những lời kể về tâm tình của tác giả về cuộc sống, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan, hay đơn giản chỉ là một cách nhìn, một cách nghĩ về những vấn đề lớn lao hay nhỏ bé tầm thường của xã hội. Đó có thể là những hồi ức, một thoáng kỉ niệm nào đó trong cuộc sống đã đưa đẩy đến sự ra đời của tác phẩm. Lời tự sự thường mộc mạc, chân thành, kết hợp phương thức biểu cảm nhằm bộc lộ cảm xúc suy nghĩ của nhà văn, nhà thơ (như các tác phẩm của Đoàn Thạch Biền, Nguyễn Ngọc Tư...). Những lời đề từ sử dụng phương thức thuyết minh thường nêu cụ thể hoàn cảnh và cảm hứng sáng tác của tác phẩm như bài thơ *Ngã ba Đồng Lộc* của Huy Cận. Bên cạnh đó, phương thức nghị luận cũng sử dụng khá nhiều trong các lời đề từ. Có những lời đề từ mang tính triết lí sâu xa như: “Ta đang mơ hóa thành bướm hay bướm đang mơ hóa thành

ta” (Trang Tử) trong bài thơ *Hạ Long* của Triệu Nguyên, “Le bonheur n’est jamais grandiose” (Hạnh phúc chẳng bao giờ huy hoàng) (Louis Aragon) trong *Chuyến xe thời gian* của Bùi Hiền, “Nỗi đau vô hạn nâng ta diệu kỳ” (Alfred de Musset) trong *Với nỗi đau này anh tồn tại* của Anh Ngọc. Lời đề từ sử dụng phương thức biểu đạt biểu cảm tồn tại ở hình thức là những câu thơ, đoạn thơ, câu ca cao, lời hát. Ví dụ: một câu ca dao: “Trời mưa bong bóng phập phồng/Mẹ đi lấy chồng con ở với ai” trong *Mưa* của Nguyễn Ngọc Ly, một câu thơ: “Quê mẹ không còn mẹ/Bao giờ con trở về” (Tế Hanh) trong *Vườn cũ* của Quang Khải.

2.2. Đặc điểm nội dung lời đề từ trong văn bản nghệ thuật

a. Lời đề từ có tính khái quát, triết lí

Chức năng cơ bản của lời đề từ là bổ sung và làm rõ văn bản chính văn. Nó có vai trò đề dẫn và dự báo về nội dung chính của văn bản chính văn. Lời đề từ cho một bài thơ, một truyện ngắn hay một cuốn tiểu thuyết dài hàng trăm trang cũng vậy, nó luôn chứa đựng cái thần thái và cái hồn của tác phẩm. Lời đề từ trong *Nước mắt* của Nam Cao - “Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt háo hĩnh của phường ích kỷ; và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ” - cũng là lời của Francois Coppée. Nam Cao là nhà văn có niềm tin sâu sắc đối với cái đẹp của tâm hồn của con người. Từ những góc tối tăm nhất, từ những con người xấu xí nhất, ông vẫn tìm thấy ánh sáng “thiên lương” của con người. Và “Nước mắt” của ông là giọt nước mắt hướng thiện. Qua lời đề từ trên, ta có thể hiểu được cách nhìn đời, nhìn người của nhà văn hiện thực và nhân đạo lớn của văn xuôi hiện đại Việt Nam.

b. Lời đề từ là sự miêu tả, nhận xét

Nội dung của lời đề từ trong tác phẩm nghệ thuật luôn biểu hiện những vấn đề chính, chủ đề chính của tác phẩm. Ngoài vấn đề nhân sinh quan thì những hình tượng nghệ thuật hay số phận hay cuộc đời của một con người cũng chính là nội dung của lời đề từ. Hình tượng “con tàu” trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên, hay hình tượng con sông Đà trong tùy bút *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân cũng được thể hiện ngay trong lời đề từ.

c. Lời đề từ biểu hiện cảm xúc, tình cảm trữ tình của tác giả

Có rất nhiều lời đề từ thể hiện cảm xúc, tình cảm của tác giả. Hiểu được nội dung lời đề từ ta càng thấm thía sâu sắc hơn cảm xúc tình cảm của tác giả thể hiện trong văn bản chính văn. Có những lời đề từ thể hiện trực tiếp tình cảm của tác giả qua những từ ngữ đặc thù như “sầu” – “Xuân sầu chi để bạn riêng ai!” (*Xuân sầu II* – Tân Đà), “nhớ” – “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” (*Tràng giang* – Huy Cận), hân hoan – “Chất ngọt thơm da vào giữa mặt/A ha! Mùi sữa mớm vô răng” (*Quả măng cụt* – Bích Khê)...

Khi tìm hiểu vở kịch *Vũ Như Tô*, thiết nghĩ không thể bỏ qua lời đề từ với câu kết gan ruột của tác giả:

“Chẳng biết Vũ Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải.

Đài Cửu trùng không thành, nên mừng hay nên tiếc? Tháp người Hời nguyên là giồng Angkor.

Mãi vật lộn quên cả đài cao mộng lớn. Công ông cha hay là nỗi thiết thời? Ôi khô khan! Ôi gay gắt! Nhưng đừng vội tủi. Sức sống tràn từ ải Bắc đến đồng Nam.

Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết.

Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm”.

Toàn bộ lời đề từ như một cuộc đấu tranh tâm tưởng để có cái nhìn đúng đắn nhất về Vũ Như Tô. Song tác giả không đưa ra câu trả lời, điều đó phụ thuộc vào quan điểm của từng người. Tâm sự mà Nguyễn Huy Tưởng gửi gắm ở đây là khát vọng nghệ thuật của mình. Đó là sự tương giao giữa nhà văn và Đan Thiềm: Tôn thờ cái đẹp.

2.3. Vai trò của lời đề từ trong văn bản nghệ thuật

a. Vai trò của lời đề từ đối với tác giả

a.1. Lời đề từ khơi nguồn cảm hứng của tác giả

Đa số lời đề từ thể hiện được nguồn cảm hứng sáng tác của tác giả. Ví dụ như bài thơ *Trăng giang* của Huy Cận, cảm hứng ở đây là cảm hứng mệnh mông của vũ trụ với không gian được trải ra từ mặt sông lên chót vót đỉnh trời, mở ra từ sâu thẳm vũ trụ vào tận tâm linh con người, đã được nhà thơ thể hiện ngay trong lời đề từ: “...Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Bài thơ *Gió* của Lưu Trọng Lư cũng được khơi gợi từ một câu thơ nổi tiếng của nhà thơ, nhà triết học người Pháp Paul Valéry: “Le vent se lève, il faut tenter de vivre” (Tạm dịch: Gió đang tăng lên! phải cố gắng để sống!).

Đặc biệt, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận ra có một số lượng khá lớn câu thơ cổ được xem như cảm hứng sáng tác đẩy đưa nhà thơ, nhà văn đến với các tác phẩm nghệ thuật của mình. Đó là những câu thơ nổi tiếng của Đường thi, của các thi nhân trung đại, đặc biệt là Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Ví dụ: “Trăng thê còn đó tro tro/Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng (Truyện Kiều)” (*Giăng thê* - Tô Hoài), “Mai sau dù có bao giờ...” (*Mai sau* - Huy Cận), “Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” (*Kiểm sắc* - Nguyễn Huy Thiệp), “Tay tiên gió táp mưa sa (Nguyễn Du)” (*Dụng* - Vũ Hoàng Chương),...

a.2. Lời đề từ góp phần thể hiện phong cách của tác giả

Đối với mỗi nhà thơ, nhà văn việc lựa chọn và sử dụng ngôn từ không chỉ là thao tác quan trọng để tạo nên những tác phẩm có giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật mà còn là dấu ấn để tác giả thể hiện phong cách riêng của mình. Tùy vào chủ đề, đề tài, cảm hứng sáng tạo và phong cách nghệ thuật, mỗi nhà thơ có thể lựa chọn cho mình một trường từ ngữ khác nhau trong vốn từ toàn dân. Và khi lựa chọn, họ luôn có ý thức “làm mới” từ ngữ, để lại “dấu vân tay trên từng con chữ”. Mỗi nhà văn, nhà thơ có cách nhìn nhận và bao quát một vùng hiện thực, một số chủ đề và một miền từ ngữ khác nhau, với tần số sử dụng khác nhau, điều này góp phần tạo nên phong cách của từng nhà văn. Vấn đề này không chỉ thể hiện rõ nét trong các tác phẩm nghệ thuật mà còn ở việc sử dụng lời đề từ. Ta có thể nhận ra phong cách của một số tác giả sử dụng lời đề từ cho sáng tác của mình như Chế Lan Viên với những lời đề từ mang đậm tính khái quát triết lý; Đoàn Thạch Biền với những lời đề từ chân thành, giản dị; Lê Đạt với những câu thơ trích của Nguyễn Du, của *Truyện Kiều*...

b. Đối với người tiếp nhận

b.1. Lời đề từ như một yếu tố định hướng, một điểm nhấn nghệ thuật

Đối với độc giả, đề từ còn có ý nghĩa như một yếu tố định hướng, một điểm nhấn nghệ thuật trước khi tiếp cận với nội dung chính của tác phẩm. Dựa vào lời đề từ (“mở” - chữ dùng của tác giả) của bài thơ *Hương Sơn phong cảnh ca* (Chu Mạnh Trinh): “Đàn thông phách suối vang lưng/ Cá khe lẳng kệ, chim rừng nghe Kinh”, người đọc được định hướng về vẻ đẹp thiên tông của cảnh Hương Sơn. Hay lời đề từ “Chim bay dọc biển đem tin cá” cùng chủ thích “Câu thơ của thân phụ tôi” trong *Quê hương* của Tế Hanh đã khiến người đọc nghĩ đến một nỗi nhớ miền quê hàng chài gắn liền với nỗi nhớ gia đình và người thân đã khuất của tác giả.

b.2. Lời đề từ khơi gợi cảm hứng cho người tiếp nhận

Lời đề từ của văn bản nghệ thuật văn học Việt Nam không chỉ biểu hiện cho cảm hứng sáng tạo của nhà văn mà còn có tác dụng khơi gợi cảm hứng ở người đọc. Đó có thể là chủ ý hoặc không chủ ý của nhà văn khi đưa thêm lời đề từ vào tác phẩm của mình. Cảm hứng đọc bắt nguồn từ những lời đề từ là câu ca dao – vốn dĩ rất thân quen và thiết thân đối với con người, chẳng hạn: “Bắc Cạn có suối dài vàng/Có hồ Ba Bể có Nàng áo xanh (Ca dao)” (*Tìm đâu Nàng áo xanh ơi* - Hồ Thủy Giang); “Học trò trong Quảng ra thi/Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành” (*Giữa hai hàng lục bát* - Hoàng Cầm)... Có những lời đề từ mang phong cách châm biếm hóm hỉnh gợi cảm hứng cho người đọc như trong bài *Hồ Guom phú* của Tú Mỡ: “Hội Khai trí Tiến Đức có mở một cuộc thi văn chương, trong các môn thi có bài phú Hồ Guom, hạn văn: “Hồ đó, Guom đâu?” Tú Mỡ thấy đầu đề hay cũng hứng bút viết chơi. Viết chơi thôi, không dự thi, và cố nhiên không lấy thưởng...!”.

b.3. Lời đề từ như một câu chuyện bổ sung, tồn tại song song với chính văn

Bên cạnh những tác phẩm có lời đề từ hết sức ngắn gọn và súc tích với hình thức một câu, còn có những lời đề từ rất dài, mang hình thức một đoạn văn, như một câu chuyện và có thể đứng độc lập mà vẫn mang giá trị nội dung nhất định. Đây là trường hợp trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư và Đoàn Thạch Biền. Trong các tác phẩm của mình, Nguyễn Ngọc Tư sử dụng rất nhiều lời đề từ. Nhiều truyện ngắn có lời đề từ dẫn dắt một cách dài dòng như một câu chuyện bổ sung, tồn tại song song bên cạnh tác phẩm, vừa góp phần làm nổi bật tư tưởng – chủ đề của tác phẩm, vừa như một đoạn trữ tình ngoại đề thổi vào không gian tâm tưởng của người đọc với nhiều chiều sâu: “Một ngày khác thường của tuổi hai mươi - tuổi bẽ bạn, tuổi vui chơi, tôi lùa mười sáu con vịt - một trong những gia tài của má tôi - ra đồng, mưa dầm dìa vào mùa. Tôi thường ngồi ở bờ ruộng, mắt trông chừng bầy vịt, không cho chúng lán la đến những đám mạ muốt xanh, và da diết thèm người, thèm được nói chuyện / Bây giờ, quay quanh tôi bao nhiêu là người, tôi lại thèm cảnh đồng nước vắng tanh...” (*Cái nhìn khắc khoải*).

c. Đối với cấu trúc chung của tác phẩm

Là một thành phần của văn bản nghệ thuật, lời đề từ nằm trong mối liên hệ cấu trúc của văn bản, đó là sự thống

nhất về tư tưởng, chủ đề trong văn bản nghệ thuật. Bởi sự ra đời của lời đề từ gắn bó mật thiết với sự hình thành các tác phẩm nghệ thuật. Nó có thể là cảm hứng khơi nguồn, hoặc nhấn mạnh tác phẩm, song nằm trong cấu trúc chung của tác phẩm và thể hiện được phần nào chủ đề của tác phẩm ấy. Mở đầu tập *Nhật kí trong tù*, Hồ Chí Minh đã đưa ra một triết lí sống và chiến đấu ngay từ lời đề từ, và đây cũng là cảm hứng chủ đạo của toàn bộ tập thơ:

“Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao”

d. Lời đề từ trong mối quan hệ với tiêu đề và chủ đề của tác phẩm

Lời đề từ có mối quan hệ chặt chẽ với văn bản chính văn đồng thời nó cũng thể hiện mối quan hệ tương quan với chủ đề và tiêu đề của tác phẩm. Lời đề từ và tiêu đề của văn bản nghệ thuật có mối quan hệ bổ sung, khái quát cho nhau. Trong cuốn tự truyện *Một giọt nắng nhạt*, Nguyễn Khải viết lời đề từ: “Một người bạn nói với tác giả: Cái đời mình, ngẫm lại, kể cũng được là một giọt nắng, nhưng nhạt và buồn, dầu sao cũng là của một ngày trời có nắng”. Tiêu đề và lời đề từ đều đề cập đến giọt nắng – giọt nắng nhạt. Đây là hình ảnh ẩn dụ cho cuộc đời của một con người, đồng thời nêu lên quan niệm sống của tác giả. Tự truyện nói về xuất thân và cuộc sống nghèo đói bệnh tật của nhà văn với mẹ và em. Đôi lúc cùng quần họ đã nghĩ đến cái chết. Nhưng phong trào cách mạng đã đem đến cho họ một lẽ sống mới: làm một chút gì đó cho đất nước như một giọt nắng giữa ngày trời nắng, dầu chỉ là một giọt nắng nhạt.

3. Kết luận

Lời đề từ là một bộ phận thuộc phần tiêu đề của văn bản nghệ thuật, được viết ở đầu tác phẩm, sau tiêu đề và trước phần chính văn, có vai trò định hướng đối với ý đồ nghệ thuật và tư tưởng – chủ đề của tác phẩm. Lời đề từ không chỉ có hình thức đa dạng phong phú mà nó cũng giữ một nội dung ý nghĩa và có vai trò quan trọng đối với văn bản nghệ thuật. Nội dung của lời đề từ biểu hiện những vấn đề trong văn bản triết lí, nội dung miêu tả nhận xét, biểu hiện cảm xúc, tình cảm của tác giả đối với tác phẩm cũng như nhân vật được nói đến trong tác phẩm. Lời đề từ không chỉ có vai trò quan trọng đối với quá trình sáng tác nghệ thuật mà còn có ý nghĩa đối với tác phẩm nghệ thuật và người tiếp nhận. Đối với độc giả, lời đề từ như một yếu tố định hướng, một điểm nhấn nghệ thuật trước khi tiếp cận nội dung chính của tác phẩm. Nhiều khi lời đề từ còn có tác dụng khơi gợi cảm hứng đọc ở người tiếp nhận. Lời đề từ nhiều khi cũng được dẫn dắt dài dòng như câu chuyện bổ sung làm nổi bật tư tưởng – chủ đề của tác phẩm, nó cũng như ẩn dụ nội dung câu chuyện giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về tác phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bùi Trọng Ngoãn (2005), *Phong cách học tiếng Việt*, Khoa Ngữ văn, Trường ĐH Sư phạm - ĐHQĐN, tài liệu lưu hành nội bộ.
[2] Bùi Trọng Ngoãn (2009), *Tiếp cận tác phẩm thơ ca dưới ánh sáng ngôn ngữ học hiện đại*, Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ cấp bộ, mã số B2007-ĐN03-20.
[3] Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[4] I.R.Galperin (1987), *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[5] IU.M.Lotman (2004), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

(BBT nhận bài: 04/04/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 10/04/2017)